

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:107/2018/HS-ST

Ngày 07-8-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Rmah HThuyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Doãn Thị Lê

2. Bà Tô Thị Lành

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Yến-Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:
Bà Đinh Thị Hoài Phương- Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 78/2018/TLST-HS ngày 10 tháng 5 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 148/2018/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 7 năm 2018 đối với bị cáo:

Lê Văn C, sinh ngày 15 tháng 7 năm 1979 tại Hưng Yên.

Nơi ĐKKHKT: Thôn Tiên Q, xã Phạm Ngũ L, huyện Kim Đ, tỉnh Hưng Yên; chỗ ở hiện nay: Làng B 1, xã Ia D, huyện Ia G, tỉnh Gia Lai; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Làm nông; con ông Lê Văn Ô (đã chết) và bà Ngô Thị K; bị cáo có vợ tên là Nguyễn Thị H và có 01 con sinh năm 2012. Vợ, con của bị cáo trú tại: Thôn Tiên Q, xã Phạm Ngũ L, huyện Kim Đ, tỉnh Hưng Yên. Bị cáo C sống chung như vợ chồng với chị Hà Thị B tại làng B1, xã Ia D, huyện Ia G, tỉnh Gia Lai từ năm 2013 và có 01 con chung sinh năm 2015; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 03/6/2010, bị cáo Lê Văn C bị Tòa án nhân dân huyện Ia G, tỉnh Gia Lai xét xử về tội “Tàng trữ trái phép chất độc” và tuyên phạt 15 tháng tù. Ngày 03/10/2010, bị cáo chấp hành xong hình phạt và đã được xóa án tích. Bị cáo Lê Văn C bị tạm giữ, sau đó tạm giam từ ngày 26 tháng 11 năm 2017 đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố P, tỉnh Gia Lai. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1. Bà Trần Thị Thu N, sinh năm 1962; trú tại: Tổ 6, phường Ia K, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Đình T, sinh năm 1991; trú tại: Số nhà 140 đường Nguyễn Đ, phường Ia K, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

3. Chị Ksor B, sinh năm 1976; trú tại: Làng K, phường Đông Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

4. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1962; trú tại: Thôn Thắng T2, thị trấn Ia K, huyện Ia G, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

5. Bà Vũ Thị N, sinh năm 1950; trú tại: Tổ 13, phường Thống N, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

6. Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1960; trú tại: Số nhà 66/9 đường Kim Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

7. Bà Lê Thị B, sinh năm 1964; trú tại: Số nhà 06 Tuệ T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

8. Bà Trần Thị T, sinh năm 1960; trú tại: Thôn Chư H 6, xã Ia B, huyện Ia G, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

9. Chị Ksor H, sinh năm 1977; trú tại: Số nhà 33 đường Mai Thúc L, làng K, phường Đồng Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

10. Chị Đỗ Vũ Hải H, sinh năm 1986; trú tại: Tổ 9, phường Thống N, thành phố P, tỉnh Gia Lai (tạm trú tại 370/56 đường Phạm Văn Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai). Có mặt.

11. Bà Vương Thị T, sinh năm 1968; trú tại: Thôn Đức T, xã Ia S, huyện Ia G, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1995; trú tại: Làng B, xã Ia D, huyện Ia G, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

2. Anh Lâm Chu Khang, sinh năm 1995; trú tại: Làng B1, xã Ia D, huyện Ia G, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

3. Anh Nguyễn Huy C, sinh năm 1984; trú tại: Tổ 7, phường Đồng Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

4. Chị Hà Thị B, sinh năm 1987; trú tại: Làng B1, xã Ia D, huyện Ia G, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 27/4/2017 đến 25/11/2017, Lê Văn C đã thực hiện 08 vụ Cướp giật tài sản trên địa bàn thành phố P, tỉnh Gia Lai và 03 vụ Cướp giật tài sản trên địa bàn huyện Ia G, tỉnh Gia Lai. Cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 05 giờ 30 phút, ngày 27/4/2017, C điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Dream (không rõ biển số) đi dạo, với mục đích tìm người nào có tài sản để sơ hở thì cướp giật. Khi đi đến đường hẻm 122 đường Lê Thánh T, thành phố P, tỉnh Gia Lai, thấy bà Trần Thị Thu N đang đứng quét sân, trên cổ có đeo 01 sợi dây chuyền vàng 18K dạng móc khâu, trọng lượng 02 chỉ. Lúc này, C dừng xe lại áp sát gần bà N, C ngồi trên xe và xe vẫn nổ máy, giả vờ hỏi nhà người quen, lợi dụng lúc bà N không để ý, C đã giật sợi dây chuyền vàng của bà N rồi điều khiển xe mô tô tẩu thoát. Sau đó, C đem sợi dây chuyền này đến bán tại một tiệm vàng (không rõ tên tiệm) trên đường Hoàng Văn T, phường Diên H, thành phố P, được số tiền 1.600.000 đồng và đã tiêu xài cá nhân hết. Qua định giá, kết

luận: 01 sợi dây chuyền vàng 18K, trọng lượng 02 chỉ có trị giá 3.500.000 đồng. Bị hại Trần Thị Thu N yêu cầu bồi thường số tiền 3.500.000 đồng.

Vụ thứ hai: Khoảng 20 giờ ngày 25/6/2017, C điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu đen-trắng, biển số 17B1-833.46 đi đến trước số nhà 140 đường Nguyễn Đường, thành phố P, tỉnh Gia Lai thì nhìn thấy anh Nguyễn Đình T đang ngồi trước nhà, trên tay cầm chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J5. Lúc này, C chạy xe tới, giả vờ hỏi nhà người quen, rồi giật lấy chiếc điện thoại của anh Trung và tẩu thoát. Sau khi bị C giật chiếc điện thoại, anh T điều khiển xe máy đi tìm thì gặp C ở đầu đường Võ Trung T, phường Ia K, thành phố P. Lúc này, anh T nói với C: “Ông giật điện thoại của tôi phải không?” thì C nói xin lỗi và trả lại điện thoại cho anh T rồi điều khiển xe bỏ chạy. Anh T đuổi theo và tri hô: “Cướp”. Ngay lúc này, Tổ Cảnh sát 113 đi tuần tới nên C bỏ xe mô tô lại và chạy thoát. Tổ tuần tra đã lập biên bản tạm giữ chiếc xe mô tô trên và chuyển cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P để điều tra, xử lý. Qua định giá, kết luận: Chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J5, đã trừ khấu hao có trị giá là 2.000.000 đồng. Sau khi định giá xong, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P đã trả lại cho anh Nguyễn Đình T chiếc điện thoại nêu trên. Hiện bị hại Nguyễn Đình T không yêu cầu bồi thường gì.

Vụ thứ ba: Vào khoảng 07 giờ ngày 11/7/2017, C điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Sirius màu đỏ - đen (không rõ biển số) đến hẻm đối diện số nhà 179B đường Lê Đại H, thành phố P, tỉnh Gia Lai thì nhìn thấy chị Ksor B đang đạp xe đạp, trên cổ có đeo sợi dây chuyền vàng. Lúc này, C dừng xe lại áp sát chị Ksor B, xe vẫn nổ máy và C ngồi trên xe, giả vờ hỏi mua đất. Lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác, C đã giật sợi dây chuyền của chị Ksor B rồi điều khiển xe tẩu thoát. Sau đó, C bán sợi dây chuyền này tại một tiệm vàng (không rõ tên tiệm) ở đường Duy T, thành phố P, được số tiền 7.300.000 đồng và đã tiêu xài cá nhân hết. Qua định giá, kết luận: 01 dây chuyền vàng 18K, trọng lượng 05 chỉ có trị giá là 10.000.000 đồng. Bị hại Ksor B yêu cầu bồi thường số tiền 15.000.000 đồng.

Vụ thứ tư: Khoảng 11 giờ ngày 06/8/2017, C điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ-đen (không rõ biển số) đi đến khu vực Tổ dân phố 07, thị trấn Ia Kha, huyện Ia G, tỉnh Gia Lai thì thấy bà Nguyễn Thị B đang đứng ở phía trước nhà cùng con gái là Trần Thị Hoài P, trên cổ bà B có đeo sợi dây chuyền vàng. Lúc này, C điều khiển xe mô tô lại gần bà B, xe vẫn nổ máy và C vẫn ngồi trên xe, giả vờ hỏi thăm nhà một người tên T, rồi giật sợi dây chuyền của bà B và điều khiển xe chạy thoát. Sau đó, C bán sợi dây chuyền cho tiệm vàng Kim Phát ở số nhà 36A đường Nguyễn Thiện T, phường Diên H, thành phố P, được số tiền 3.000.000 đồng và đã tiêu xài cá nhân hết. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh và làm việc với bà Nguyễn Thị Thu Vinh (là chủ tiệm vàng Kim Phát). Bà V khai do không nhớ có mua sợi dây chuyền vàng của C hay không và tại tiệm không có sợi dây chuyền nào có đặc điểm như trên nên không thu giữ được. Qua định giá, kết luận: 01 sợi dây chuyền vàng 18K, trọng lượng 02 chỉ có trị giá 4.720.000 đồng. Bị hại Nguyễn Thị B yêu cầu bồi thường số tiền 5.000.000 đồng.

Vụ thứ năm: Vào khoảng 05 giờ 45 phút ngày 12/9/2017, C điều khiển xe mô tô Sirius màu đỏ-đen (không rõ biển số) đi dạo trên đường Tôn Thất T, thành phố P, tỉnh Gia

Lai. Khi đi đến trước số nhà 123/13 đường Tôn Thất T, Tổ 13, phường Thống N, thành phố P, tỉnh Gia Lai, thấy bà Vũ Thị N đang đứng trước nhà, trên cổ có đeo sợi dây chuyền vàng dạng mắt xích, có mặt dây chuyền vàng 18k có gắn đá màu xanh hình giọt nước xung quanh đính hạt cườm vàng-trắng. Lúc này, C dừng xe sát gần bà N, xe vẫn nổ máy và C vẫn ngồi trên xe, nhanh chóng giắt sợi dây chuyền của bà N rồi tăng ga xe tẩu thoát. Sau đó, C bán sợi dây chuyền này tại một tiệm vàng (không rõ tên tiệm) ở đường Duy T, thành phố P, được số tiền 3.600.000 đồng và đã tiêu xài cá nhân hết. Qua định giá, kết luận: 01 sợi dây chuyền vàng 18K cùng mặt dây chuyền, tổng trọng lượng 04 chỉ có trị giá là 8.400.000 đồng. Bị hại Vũ Thị N yêu cầu bồi thường số tiền 8.000.000 đồng.

Vụ thứ sáu: Vào khoảng 06 giờ ngày 21/9/2017, C điều khiển xe mô tô Sirius màu đỏ - đen (không rõ biển số) đi vào đường hẻm 66 đường Kim Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Khi đến trước số nhà 66/9 đường Kim Đ, thấy bà Nguyễn Thị Kim L đang quét sân trước nhà, trên cổ có đeo sợi dây chuyền vàng 18K. Lúc này, C dừng xe lại áp sát gần bà Liên, xe vẫn nổ máy và C vẫn ngồi trên xe, giả vờ hỏi thuê phòng trọ, lợi dụng sự sơ hở của bà Liên, C đã giắt sợi dây chuyền trên cổ bà Liên rồi tăng ga xe tẩu thoát. Sau đó, C bán sợi dây chuyền cho một tiệm vàng (không rõ tên tiệm) ở đường Hoàng Văn T, phường Diên H, thành phố P, được số tiền 2.500.000 đồng và đã tiêu xài cá nhân hết. Qua định giá, kết luận: 01 sợi dây chuyền vàng 18K, trọng lượng 3,5 chỉ có trị giá là 7.350.000 đồng. Bị hại Nguyễn Thị Kim L yêu cầu bồi thường số tiền 8.000.000 đồng.

Vụ thứ bảy: Vào khoảng 05 giờ ngày 13/10/2017, C điều khiển xe mô tô Sirius màu đỏ-đen (không rõ biển số) đi trên đường Tuệ T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Khi đi qua nhà bà Lê Thị B thấy bà B đang tập thể dục trước nhà, trên cổ có đeo sợi dây chuyền vàng 18K. Lúc này, C dừng xe lại áp sát gần bà B, xe vẫn nổ máy và C vẫn ngồi trên xe, giả vờ hỏi nhà người quen, lợi dụng lúc bà B sơ hở, C đã giắt sợi dây chuyền rồi tẩu thoát. Sau đó, C bán sợi dây chuyền này tại một tiệm vàng (không rõ tên tiệm) ở khu vực ngã tư phường Yên T, thành phố P, được số tiền 2.800.000 đồng và đã tiêu xài cá nhân hết. Qua định giá, kết luận: 01 sợi dây chuyền vàng 18K, trọng lượng 03 chỉ có trị giá 6.600.000 đồng. Bị hại Lê Thị B yêu cầu bồi thường số tiền 7.500.000 đồng.

Vụ thứ tám: Khoảng 17 giờ 40 phút ngày 16/10/2017, C điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ-đen (không rõ biển số) đi đến khu vực thôn Chư H 6, xã Ia B, huyện Ia G thì C nhìn thấy bà Trần Thị T đang đứng đổ rác trước nhà, trên cổ có đeo sợi dây chuyền cùng mặt dây hình chữ thập đều là vàng 18K. Lúc này, C chạy xe lại gần bà Thủy, xe vẫn nổ máy và C vẫn ngồi trên xe, giả vờ hỏi đường. Lợi dụng sơ hở của bà Thủy, C đã giắt sợi dây chuyền rồi tăng ga xe tẩu thoát. Sau đó, C bán sợi dây chuyền này tại tiệm vàng Kim Phát ở số 36A đường Nguyễn Thiện T, phường Diên H, thành phố P, được số tiền 3.060.000 đồng và đã tiêu xài cá nhân hết. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh và làm việc với bà Nguyễn Thị Thu V (là chủ tiệm vàng Kim Phát). Bà V khai không nhớ có mua sợi dây chuyền vàng của C hay không và tại tiệm không có sợi dây chuyền nào có đặc điểm như trên nên không thu giữ được. Qua định giá, kết luận: 01 sợi dây chuyền vàng cùng mặt dây hình chữ thập đều là vàng 18K, tổng trọng lượng 03 chỉ có trị giá 7.200.000 đồng. Bị hại Trần Thị T yêu cầu bồi thường số tiền 7.200.000 đồng.

Vụ thứ chín: Vào khoảng 16 giờ ngày 18/10/2017, C điều khiển xe mô tô Sirius màu đỏ - đen (không rõ biển số) đến đường Mai Thúc L, thành phố P. Khi đến trước số nhà 33 đường Mai Thúc L, thấy bà Ksor H đang đứng trước nhà, trên cổ có đeo sợi dây chuyền cùng mặt dây hình cầu có gắn đá màu trắng đều là vàng 18K, C dừng xe lại áp sát gần bà H, xe vẫn nổ máy và C vẫn ngồi trên xe, giả vờ hỏi thuê phòng trọ rồi giật sợi dây chuyền của bà H. Lúc này, bà H dùng tay giữ lại nên C chỉ lấy được mặt dây chuyền, rồi điều khiển xe tẩu thoát. Sau đó, C đã bán mặt dây chuyền này tại một tiệm vàng (không rõ tên tiệm) ở đường Hoàng Văn T, phường Diên H, thành phố P, được số tiền 600.000 đồng và đã tiêu xài cá nhân hết. Sau khi bị giật và bị C lấy mất mặt dây chuyền, chỉ còn sợi dây và đã bị đứt nên chị Ksor H đã bán sợi dây này không rõ ở tiệm nào. Qua định giá, kết luận: 01 sợi dây chuyền cùng mặt dây đều là vàng 18K, tổng trọng lượng 02 chỉ có trị giá 4.000.000 đồng. Bị hại Ksor H yêu cầu bồi thường trị giá mặt dây chuyền vàng 18K đã bị chiếm đoạt, với số tiền 2.000.000 đồng.

Vụ thứ mười: Vào khoảng 04 giờ 30 phút ngày 24/11/2017, C điều khiển xe mô tô nhãn hiệu LiFan, màu nho, biển số 59Z9-2549 đi trên đường Phạm Văn Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Khi đến trước số nhà 320 đường Phạm Văn Đ, thấy chị Đỗ Vũ Hải H đang ngồi ở lề đường để đón xe khách, trên tay chị Hà đang cầm chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, loại 64GB, vỏ màu xám. Lúc này, C điều khiển xe chạy đến trước mặt chị H, xe vẫn nổ máy và C vẫn ngồi trên xe và hỏi chị H: “Có đi xe thò không em?”, chị H trả lời: “Dạ không, đang đợi xe rồi” thì C liền giật lấy chiếc điện thoại di động của chị H rồi điều khiển xe mô tô tẩu thoát. Đến khoảng 07 giờ 45 phút cùng ngày, C đem chiếc điện thoại trên đến nhà Nguyễn Văn Q ở Làng B1, xã Ia D, huyện Ia G, tỉnh Gia Lai và đã bán chiếc điện thoại này cho Q, với giá 1.000.000 đồng. Sau đó, Q đem chiếc điện thoại này đến tiệm điện thoại (không rõ tiệm) để mở khóa nhưng không được nên Q cất giữ. Khoảng 09 giờ ngày 25/11/2017, anh Nguyễn Huy C (là chồng của chị Hà) gọi điện thoại vào số điện thoại của chị Hà thì Q nghe điện thoại nên anh C đã nói cho Q biết việc chị H bị cướp giật chiếc điện thoại. Q nói với anh C là Q đã mua lại chiếc điện thoại này nên Q nói với anh C cho chuộc lại điện thoại thì anh C đồng ý. Q cho anh C chuộc lại điện thoại với số tiền 1.500.000 đồng và hẹn gặp nhau tại quán cà phê ở khu vực ngã tư đường Đinh Tiên H-đường Tăng Bạt H, thành phố P. Trên đường đi đến gặp Q thì anh C đã trình báo sự việc cho Công an phường Thống Nt, thành phố P. Đến 09 giờ 30 phút cùng ngày, Q cùng với bạn là Lâm Chu Khang đến trước quán cà phê (không rõ tên tiệm) ở khu vực ngã tư đường Đinh Tiên Hoàng - đường Tăng Bạt Hổ. Khi anh C đến gặp Q và vừa đưa 1.500.000 đồng cho Q để chuộc điện thoại thì Công an phường Thống N, thành phố P đến đưa Q về Trụ sở làm việc. Tại Cơ quan điều tra thì Q đã khai nhận đã mua lại chiếc điện thoại của Lê Văn C. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P đã thu giữ của Nguyễn Văn Q, gồm: 01 chứng minh nhân dân số 231116042 mang tên Nguyễn Văn Q; số tiền 1.890.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cùng số tiền 1.500.000 đồng mà anh Nguyễn Huy C đã đưa cho Q để chuộc điện thoại và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 06 màu trắng xám mà Q đã mua của Lê Văn C; 01 ví da màu đen hiệu Gucci; 01 điện thoại di động hiệu Viettel màu đen, xanh; thu giữ của Lâm Chu Khang 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Sirius màu trắng đen biển số 81B2-138.14; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen. Qua định giá, kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6,

màu trắng xám, dung lượng 64GB có trị giá 3.800.000 đồng. Sau khi định giá xong, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P đã trả lại chiếc điện thoại này cho chị Đỗ Vũ Hải H và đã trả lại cho anh Nguyễn Huy C số tiền 1.500.000 đồng. Hiện chị Đỗ Vũ Hải H và anh Lê Huy C không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Quá trình điều tra, xác định: Việc Nguyễn Văn Q mua điện thoại của bị cáo C rồi mang đi cho anh Nguyễn Huy C chuộc lại thì Khang không biết việc này, không liên quan đến vụ án nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P đã trả lại cho trả lại cho Lâm Chu Khang chiếc xe mô tô biển số 81B2-138.14 và 01 điện thoại di động hiệu Nokia vì không liên quan đến vụ án.

Đối với Nguyễn Văn Q cũng không biết điện thoại di động bị cáo C đem bán cho Q là do C phạm tội mà có. Do đó, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P đã trả lại cho Nguyễn Văn Q số tiền là 1.890.000; 01 ví da màu đen hiệu Gucci; 01 điện thoại di động hiệu Viettel màu đen-xanh cùng giấy chứng minh nhân dân số 231116042 không liên quan đến vụ án.

Vụ thứ mười một: Vào khoảng 05 giờ sáng ngày 25/11/2017, C điều khiển xe mô tô nhãn hiệu LiFan, màu nho, biển số 59Z9-2549 đi đến khu vực Thôn Đức Tân, xã Ia Sao, huyện Ia G, tỉnh Gia Lai, thì thấy bà Vương Thị T đang đứng trước cổng nhà, trên cổ đeo sợi dây chuyền vàng 18K cùng mặt dây hình tròn (có gắn đá hột trắng). Lúc này, C điều khiển xe mô tô sát gần bà Thảo, xe vẫn nổ máy và C vẫn ngồi trên xe, giả vờ hỏi đường và đã giật sợi dây chuyền của bà Thảo rồi tăng ga xe tẩu thoát. Sau đó, C bán sợi dây chuyền này tại tiệm vàng Hoàng Kim ở số 26 đường Hoàng Văn Thụ, phường Diên H, thành phố P, được số tiền 5.100.000 đồng và đã tiêu xài cá nhân hết 3.600.000 đồng, còn lại 1.500.000 đồng thì C cất giữ. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh và làm việc với bà Nguyễn Thị Tuyết (là chủ tiệm vàng Hoàng Kim). Bà Tuyết khai không nhớ có mua sợi dây chuyền vàng của C hay không và tại tiệm không có sợi dây chuyền nào có đặc điểm như trên nên không thu giữ được. Qua định giá, kết luận: 01 sợi dây chuyền vàng cùng mặt dây hình tròn (có gắn đá hột trắng) đều là vàng 18K, tổng trọng lượng 3,5 chỉ có trị giá 8.290.000 đồng. Bị hại Vương Thị T yêu cầu bồi thường số tiền 8.290.000 đồng.

Đến 15 giờ 45 phút ngày 25/11/2017, Lê Văn C ra đầu thú. Cơ quan điều tra đã thu giữ của Lê Văn C 01 xe mô tô nhãn hiệu LiFan, màu nho, biển số 51Z9-2549, số khung 10601480, số máy 10601480, 01 ví da màu nâu, 1.630.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia RM 1011 vỏ màu đen.

Qua trình điều tra vụ án, do có sự tác động của bị cáo C nên chị Hà Thị B (là người chung sống như vợ chồng với Lê Văn C) đã nộp số tiền 2.500.000 đồng để bồi thường cho các bị hại, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P chuyển theo hồ sơ vụ án.

Quá trình điều tra vụ án, bị cáo C còn khai nhận đã thực hiện 03 vụ cướp giật tài sản khác, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng 05 giờ 30 phút, không nhớ ngày trong tháng 10/2017, C điều khiển xe mô tô Sirius màu đỏ-đen (không rõ biển số) đi dạo trên đường Lê Thánh T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Khi đến đoạn đường trước số nhà 87 đường Lê Thánh T, thấy một

người phụ nữ khoảng 20 tuổi đứng trên vỉa hè, trên tay cầm điện thoại di động nhãn hiệu Vega nên C chạy xe dừng trước mặt giả vờ hỏi có đi xe thò không rồi giật lấy chiếc điện thoại và điều khiển xe mô tô tẩu thoát. Chiếc điện thoại này, C đã bán tại tiệm điện thoại (không xác định được địa điểm) ở đường Trần Phú, thành phố P, được số tiền 500.000 đồng và đã tiêu xài cá nhân hết.

Vụ thứ hai: Khoảng 20 giờ, không nhớ ngày trong tháng 11/2017, C điều khiển xe mô tô Sirius màu đỏ-đen (không rõ biển số) đi trên đường Nguyễn Chí T, phường Chi L, thành phố P thì thấy 02 người phụ nữ khoảng 20 tuổi đứng ở lề đường trước số nhà 31. Trong đó, có 01 người đang cầm chiếc điện thoại di động Oppo A33 nhắn tin nên C điều khiển xe mô tô chạy đến áp sát gần giật lấy chiếc điện thoại này rồi điều khiển xe mô tô tẩu thoát. Sau đó, C bán chiếc điện thoại di động này tại một tiệm điện thoại (không xác định được địa điểm) ở đường Trần Phú, thành phố P, được số tiền 1.000.000 đồng và đã tiêu xài cá nhân hết.

Vụ thứ ba: Vào khoảng giữa tháng 11/2017, C điều khiển xe mô tô Sirius màu đỏ-đen (không rõ biển số) đi trên đường Nguyễn Đức C, thành phố P thì thấy một người phụ nữ khoảng 50 tuổi đứng tập thể dục ở đoạn đường trước số nhà 57, trên cổ có đeo 01 sợi dây chuyền vàng 18K. Lúc này, C giả vờ đến hỏi đường và giật sợi dây chuyền rồi điều khiển xe mô tô chạy thoát. Sau đó, C bán sợi dây chuyền cho một tiệm vàng (không xác định được địa điểm) ở khu vực ngã ba Diệp K, phường Hội T, thành phố P, được số tiền 1.600.000 đồng và đã tiêu xài cá nhân hết.

Tại phiên tòa, bị cáo Lê Văn C đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình như trên, bị cáo đồng ý với kết luận giám định và không có ý kiến gì khác.

Tại bản cáo trạng số 85/CT-VKS ngày 09 tháng 5 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai đã truy tố bị cáo Lê Văn C về tội “Cướp giật tài sản” theo Điểm c và d Khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố như bản cáo trạng đối với bị cáo Lê Văn C và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình sự: Đề nghị áp dụng Điểm c và d Khoản 2 Điều 171; Điều 38; Điều 50; Điểm b, s Khoản 1 Điều 51; Điểm g Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Lê Văn C với mức án từ 05 năm 06 tháng tù đến 06 năm tù.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với bị cáo.

Về dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc bị cáo Lê Văn C bồi thường cho các bị hại theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Lê Văn C phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo nhất trí với quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án: Bị cáo nhận thấy việc làm của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi bị truy tố của bị cáo:

Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với vật chứng, phù hợp với lời khai của các bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, phù hợp với kết luận định giá tài sản và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận:

Trong khoảng thời gian từ ngày 27/4/2017 đến 25/11/2017, tại địa bàn thành phố P và huyện Ia G, tỉnh Gia Lai, Lê Văn C đã thực hiện 11 vụ Cướp giật, tài sản chiếm đoạt gồm: 09 sợi dây chuyền vàng, 02 chiếc điện thoại di động có tổng trị giá 65.860.000 đồng. Đến ngày 25/11/2017, C ra đầu thú và bị thu giữ cùng một số tang vật.

Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định:

“1. Người nào cướp giật tài sản của người khác, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm;

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:

a) Có tổ chức;

b) Có tính chất chuyên nghiệp;

c) Chiếm đoạt tài sản có trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;

d) Dùng thủ đoạn nguy hiểm”.

Hành vi giật tài sản của người khác rồi nhanh chóng tẩu thoát như đã nêu trên của bị cáo Lê Văn C là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, xâm phạm trật tự trị an xã hội. Hành vi đó của bị cáo đã phạm vào tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo Lê Văn C đã chiếm đoạt là 65.860.000 đồng; khi thực hiện hành vi giật tài sản, bị cáo C đã sử dụng xe mô tô, đây là thủ đoạn nguy hiểm nên hành vi của bị cáo đã phạm vào các tình tiết định khung, cụ thể là: *“Chiếm đoạt tài sản có trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng”* và *“Dùng thủ đoạn nguy hiểm”* theo quy định tại các Điều c và d Khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 như bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai đã truy tố là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội,

đúng pháp luật. Mặc dù, bị cáo C đã thực hiện 11 vụ cướp giật tài sản nhưng bị cáo không lấy tiền do phạm tội mà có để làm nguồn sống chính nên hành vi của bị cáo không phạm vào tình tiết: “*Có tính chất chuyên nghiệp*”.

[3] Ngoài việc đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội nêu trên thì cần phải xem xét những yếu tố liên quan đến nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và các yếu tố khác có liên quan nhằm xác định tội phạm và hình phạt, trên cơ sở xem xét đề nghị luận tội của cơ quan công tố, cụ thể:

Về nhân thân: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, tuy nhiên về nhân thân ngày 03/6/2010, bị cáo Lê Văn C bị Tòa án nhân dân huyện Ia G, tỉnh Gia Lai xét xử về tội “Tàng trữ trái phép chất độc” và tuyên phạt 15 tháng tù. Ngày 03/10/2010, bị cáo chấp hành xong hình phạt và đã được xóa án tích.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã thực hiện 11 vụ cướp nên đã phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “*Phạm tội 02 lần trở lên*” theo quy định tại theo quy định Điểm g Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội, bị cáo đã đến cơ quan Công an đầu thú, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội và thể hiện thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho các bị hại và gia đình bị cáo đã nộp số tiền 2.500.000đ để bồi thường cho các bị hại, khắc phục một phần thiệt hại do bị cáo gây ra và tại phiên tòa bị cáo đã đồng ý bồi thường cho các bị hại với số tiền mà các bị hại đã yêu cầu. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điểm b, s Khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4] Về hình phạt chính: Đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy rằng: Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu và các quyền khác về tài sản của người khác, xâm phạm trật tự trị an xã hội. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo Lê Văn C đã chiếm đoạt là 65.860.000 đồng; khi thực hiện hành vi giật tài sản, bị cáo C đã sử dụng xe mô tô, đây là thủ đoạn nguy hiểm nên hành vi của bị cáo đã phạm vào các tình tiết định khung, cụ thể là: “*Chiếm đoạt tài sản có trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng*” và “*Dùng thủ đoạn nguy hiểm*” theo quy định tại các Điểm c và d Khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Ngoài ra, bị cáo còn có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “*Phạm tội 02 lần trở lên*” theo quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do vậy, bị cáo phải bị xử lý nghiêm của pháp luật tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội và hậu quả mà bị cáo đã gây ra, cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ tác dụng để trừng trị bị cáo và nhằm phòng ngừa chung đối với tội phạm. Tuy nhiên, Sau khi phạm tội, bị cáo đã đến cơ quan Công an đầu thú, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội và thể hiện thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho các bị hại và gia đình bị cáo đã nộp số tiền 2.500.000đ để bồi thường cho các bị hại, khắc phục một phần thiệt hại do bị cáo gây ra và tại phiên tòa bị cáo đã đồng ý bồi thường cho các bị hại với số tiền mà các bị hại đã yêu cầu. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm

hành sự, Hội đồng xét xử sẽ xem xét áp dụng khi quyết định hình phạt đối với bị cáo để tạo điều kiện cho bị cáo cải tạo, rèn luyện thành người có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, từ đó trở thành công dân có ích cho xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Tại Khoản 5 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng*”. Xét điều kiện hoàn cảnh của bị cáo khó khăn, không đảm bảo việc thi hành án nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về dân sự:

Các bị hại yêu cầu bị cáo Lê Văn C với số tiền cụ thể như sau:

-Bị hại Trần Thị Thu N yêu cầu bồi thường số tiền 3.500.000 đồng. Xét bà N bị chiếm đoạt tài sản là 01 sợi dây chuyền vàng, qua định giá, kết luận: 01 sợi dây chuyền vàng 18K, trọng lượng 02 chỉ có trị giá 3.500.000 đồng. Tại phiên tòa bị cáo Lê Văn C cũng đã đồng ý bồi thường với số tiền như yêu cầu của bà N. Do vậy, ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự và chấp nhận yêu cầu của bà N.

-Bị hại Ksor B yêu cầu bồi thường số tiền 15.000.000 đồng. Tại phiên tòa bị cáo Lê Văn C đã đồng ý bồi thường cho chị B với số tiền trên nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự và chấp nhận yêu cầu của chị Ksor B.

-Bị hại Nguyễn Thị B yêu cầu bồi thường số tiền 5.000.000 đồng. Tại phiên tòa bị cáo Lê Văn C đã đồng ý bồi thường cho bà B với số tiền trên nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự và chấp nhận yêu cầu của bà B.

-Bị hại Vũ Thị N yêu cầu bồi thường số tiền 8.000.000 đồng. Tài sản mà bà N bị chiếm là 01 sợi dây chuyền vàng, qua định giá, kết luận: 01 sợi dây chuyền vàng 18K cùng mặt dây chuyền, tổng trọng lượng 04 chỉ có trị giá là 8.400.000 đồng. Tuy nhiên, bà N chỉ yêu cầu bồi thường 8.000.000đ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

-Bị hại Nguyễn Thị Kim L yêu cầu bồi thường số tiền 8.000.000 đồng. Tại phiên tòa bị cáo Lê Văn C đã đồng ý bồi thường cho bà Liên với số tiền trên nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự và chấp nhận yêu cầu của bà Liên.

-Bị hại Lê Thị B yêu cầu bồi thường số tiền 7.500.000 đồng. Tại phiên tòa bị cáo Lê Văn C đã đồng ý bồi thường cho bà Bông với số tiền trên nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự và chấp nhận yêu cầu của bà B.

-Bị hại Trần Thị T yêu cầu bồi thường số tiền 7.200.000 đồng. Bị hại Trần Thị T bị chiếm đoạt 01 sợi dây chuyền vàng, qua định giá, kết luận: 01 sợi dây chuyền vàng cùng mặt dây hình chữ thập đều là vàng 18K, tổng trọng lượng 03 chỉ có trị giá 7.200.000 đồng. Do vậy, yêu cầu của bà T là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

-Bị hại Ksor H yêu cầu bồi thường trị giá mặt dây chuyền vàng 18K đã bị chiếm đoạt, với số tiền 2.000.000 đồng. Tại phiên tòa bị cáo Lê Văn C đã đồng ý bồi thường cho chị H với số tiền trên nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự và chấp nhận yêu cầu của chị Ksor H.

-Bị hại Vương Thị T yêu cầu bồi thường số tiền 8.290.000 đồng. Bà Vương Thị T bị chiếm đoạt 01 sợi dây chuyền, qua định giá, kết luận: 01 sợi dây chuyền vàng cùng mặt

dây hình tròn (có gắn đá hột trắng) đều là vàng 18K, tổng trọng lượng 3,5 chỉ có trị giá 8.290.000 đồng. Tại phiên tòa bị cáo Lê Văn C đã đồng ý bồi thường cho bà Thảo với số tiền trên nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự và chấp nhận yêu cầu của bà T, buộc bị cáo phải bồi thường cho bà T với số tiền 8.290.000 đồng. Tuy nhiên, do bị cáo đã giao nộp lại số tiền 1.500.000đ (là số tiền bán tài sản còn lại trong vụ chiếm đoạt tài sản của bà Vương Thị T) theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 03/8/2018 giữa Công an thành phố P, tỉnh Gia Lai với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai. Do vậy, bị cáo còn phải bồi thường cho bà Vương Thị T với số tiền là 6.790.000đ.

Đối với bị hại Nguyễn Đình T, Đỗ Vũ Hải H và anh Lê Huy C không yêu cầu bị cáo bồi thường gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Bị cáo C đã tác động chị Hà Thị B (là người chung sống như vợ chồng với Lê Văn C) bồi thường cho các bị hại và chị Biển đã nộp số tiền 2.500.000 đồng để bồi thường cho các bị hại.

[7] Về vật chứng vụ án:

Đối với chiếc xe mô tô biển số 59Z9-2549, Cơ quan điều tra đã xác minh tra cứu nhưng chưa xác định được chủ sở hữu nên Cơ quan điều tra tiếp tục quản lý và tiếp tục xác minh, tra cứu khi nào có kết quả xử lý sau nên Hội đồng xét xử không đề cập.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Dream (không rõ biển số) và chiếc xe mô tô nhãn hiệu Sirius màu đỏ-đen (không rõ biển số) mà C đã sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội là do C mua từ số tiền C đi làm mà có. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, C đã bán và không xác định được người mua là ai, ở đâu và C không nhớ biển số xe nên không thu hồi được. Do vậy, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Trong quá trình điều tra, chị Hà Thị B (là người chung sống như vợ chồng với Lê Văn C) đã nộp số tiền 2.500.000 đồng để bồi thường cho các bị hại, số tiền này đã được Cơ quan điều tra Công an thành phố P, tỉnh Gia Lai chuyển cho Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai. Do vậy, cần tiếp tục bảo thủ để giải quyết việc thi hành án.

Đối với 01 ví da màu nâu và số tiền 1.630.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia loại RM 1011 vỏ màu đen. Qua điều tra đã xác định: Trong số tiền 1.630.000 đồng thì 1.500.000 đồng là số tiền bán tài sản còn lại trong vụ chiếm đoạt tài sản của bà Vương Thị T nên trả lại cho bà Thảo, còn lại 130.000 đồng cùng 01 ví da màu nâu, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia loại RM 1011 là tài sản của bị cáo C, không liên quan đến hành vi phạm tội. Xét cần bảo thủ số tiền và các tài sản này để bảo đảm cho việc thi hành án.

[8] Về các vấn đề khác:

Về án phí: Bị cáo Lê Văn C phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về con người, sự việc liên quan:

Quá trình điều tra vụ án, bị cáo C còn khai nhận đã thực hiện 03 vụ cướp giật tài sản khác, tuy nhiên đối với 03 vụ này, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P đã tiến hành xác minh địa điểm và thông báo tìm các bị hại nhưng đến nay vẫn chưa xác định

được bị hại là ai. Do không xác định được bị hại, người mua tài sản và bị cáo cũng không xác định được chủng loại, mẫu mã, đặc điểm cụ thể của các tài sản đã chiếm đoạt. Hiện chỉ có lời khai duy nhất của bị cáo nên chưa có đủ căn cứ để kết luận, Cơ quan điều tra đang tiếp tục điều tra làm rõ và xử lý sau khi có đủ căn cứ. Do vậy, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết trong vụ án này.

Đối với Nguyễn Văn Q là người mua chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6 do Lê Văn C bán. Tuy nhiên, khi mua điện thoại thì anh Q không biết đó là tài sản do C cướp giật được mà có nên không đủ căn cứ để xử lý Q về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Đối với bà Nguyễn Thị Thu V (là chủ tiệm vàng Kim Phát) và bà Nguyễn Thị T (là chủ tiệm vàng Hoàng Kim) là người mà C khai đã mua các dây chuyền do C giật được. Tuy nhiên, bà Vinh và bà T không nhớ là có mua các tài sản của C bán nên không có cơ sở để xử lý về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Đối với việc Lê Văn C chung sống như vợ chồng với chị Hà Thị B. Hành vi này của C là vi phạm chế độ hôn nhân một vợ một chồng, Cơ quan điều tra đang tiếp tục xác minh và xử lý sau. Do vậy, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Văn C phạm tội “*Cướp giật tài sản*”.

2. Về hình phạt: Áp dụng Điểm c, d Khoản 2 Điều 171; Điều 38; Điều 50; Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điểm g Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Lê Văn C 06 (Sáu) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam (ngày 26/12/2017).

3. Về dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 584; Khoản 1 Điều 585 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tuyên buộc bị cáo Lê Văn C phải bồi thường cho các bị hại với số tiền cụ thể như sau:

- Bồi thường cho bị hại Trần Thị Thu N số tiền 3.500.000 đồng.
- Bồi thường cho bị hại Ksor B số tiền 15.000.000 đồng.
- Bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị B số tiền 5.000.000 đồng.
- Bồi thường cho bị hại Vũ Thị N số tiền 8.000.000 đồng.
- Bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị Kim L số tiền 8.000.000 đồng.
- Bồi thường cho bị hại Lê Thị B số tiền 7.500.000 đồng.
- Bồi thường cho bị hại Trần Thị T số tiền 7.200.000 đồng.
- Bồi thường cho bị hại Ksor H số tiền 2.000.000 đồng.

- Bồi thường cho bị hại Vương Thị T số tiền 8.290.000 đồng. Bị cáo Lê Văn C đã giao nộp trả lại 1.500.000đ (là số tiền bán tài sản còn lại trong vụ chiếm đoạt tài sản của bà Vương Thị T) theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 03/8/2018 giữa Công an thành phố P, tỉnh Gia Lai với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai. Do vậy, bị cáo còn phải bồi thường cho bà Vương Thị T với số tiền là 6.790.000đ.

Bị cáo Lê Văn C phải bồi thường cho các bị hại tổng cộng với số tiền là 62.990.000đ. Bị cáo C đã tác động chị Hà Thị B bồi thường cho các bị hại với số tiền 2.500.000 đồng (theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 03/8/2018 giữa Cơ quan Công an thành phố P, tỉnh Gia Lai và Chi cục thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai). Bị cáo còn phải bồi thường cho các bị hại tổng cộng là 60.490.000đ (Sáu mươi triệu, bốn trăm chín mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Xử lý vật chứng:

Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Đối với số tiền 4.130.000đ thì xử lý như sau:

Tuyên trả lại cho bà Vương Thị T số tiền 1.500.000đ như đã tuyên ở trên tại phần bồi thường dân sự.

Tuyên bảo thủ đối với khoản tiền 2.500.000đ (số tiền chị Hà Thị B đã nộp để bồi thường cho các bị hại), khoản tiền 130.000 đồng cùng 01 (Một) ví da cũ màu nâu và 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, loại RM1011, không có nắp phía sau là tài sản của bị cáo C để bảo đảm cho việc thi hành án. *(Đặc điểm vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 03/8/2018 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố P, tỉnh Gia Lai và Chi cục thi hành án dân sự thành phố P).*

5. Về án phí: Căn cứ Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử buộc bị cáo Lê Văn C phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 3.024.500đ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, các bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Riêng đối với các bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố P;
- Công an thành phố P;
- Nhà tạm giữ-Công an thành phố P;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P;
- Sở tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HSVA, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Rmah HThuyên